

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2020/HC-PT

Ngày 28/12/2020

V/v: *Khiếu kiện Quyết định phê duyệt*

Phương án BTHT khi thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Đình Trung;

Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 358/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 7 năm 2020 về khiếu kiện Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 278/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 9152/2020/QĐPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Ngô Phương A, sinh năm 1959.

Nơi ĐKNKTT: Số 91A1, ngách 37, ngõ 155, tổ 16, phường Q, quận C, thành phố H; địa chỉ: Số 1, hẻm 12, ngách 173, ngõ 192 L, phường Đ, quận HM, thành phố H (*vắng mặt tại phiên tòa*).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô V, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 38 P, phường N, quận H, thành phố H (*xin xét xử vắng mặt*).

*** Người bị kiện:** UBND quận TX, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đ, chức vụ: Phó chủ tịch UBND quận TX, thành phố H (*xin xét xử vắng mặt*).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** UBND phường X, quận TX, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu X, Phó chủ tịch UBND phường X (*xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thực hiện Dự án cải tạo Hồ K I thuộc Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - giai đoạn II trên địa bàn quận TX, thành phố H, UBND quận TX đã ban hành Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 thu hồi 100m² đất đối với bà Ngô Phương A đang sử dụng tại tổ 19, phường X, quận TX, thành phố H và đã ban hành các Quyết định phê duyệt hỗ trợ và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ khi thu hồi đất, như sau:

- Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 30/6/2014, UBND quận TX phê duyệt Phương án hỗ trợ cho bà Ngô Phương A như sau:

+ Hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp: 0 đồng.

+ Hỗ trợ 30% theo giá đất ở: 0 đồng.

+ Hỗ trợ về tài sản trên đất, cây cối, hoa màu: 0 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 0 đồng (*không đồng*).

- Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 03/11/2014, UBND quận TX phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án hỗ trợ cho bà Ngô Phương A như sau:

+ Hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp: $100\text{m}^2 \times 252.000 \text{ đồng/m}^2 \times 100\% = 25.200.000 \text{ đồng}$.

+ Hỗ trợ 30% theo giá đất ở (nhân với hệ số $k=1,6$) vị trí 3 phố K: $100\text{m}^2 \times 17.472.000 \text{ đồng/m}^2 \times 30\% = 524.160.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền hỗ trợ là 549.360.000 đồng (*năm trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 14/7/2015, UBND quận TX phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án hỗ trợ cho bà Ngô Phương A như sau:

+ Hỗ trợ theo giá đất ở (nhân với hệ số $k=1,6$): $100\text{m}^2 \times 17.472.000 \text{ đồng/m}^2 \times 100\% = 1.747.200.000 \text{ đồng}$.

+ Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 8.736.000 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 1.738.464.000 đồng (*một tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi tư đồng*).

Số tiền được điều chỉnh, bổ sung tăng 1.189.104.000 đồng.

- Quyết định số 4476/QĐ-UBND ngày 29/9/2015, UBND quận TX phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án hỗ trợ cho bà Ngô Phương A do thay đổi vị trí đất như sau:

+ Hỗ trợ theo giá đất ở (nhân với hệ số $k=1,6$): $100\text{m}^2 \times 18.624.000 \text{ đồng/m}^2 \times 100\% = 1.862.400.000 \text{ đồng}$.

+ Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 9.312.000 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 1.853.088.000 đồng (*một tỷ tám trăm năm mươi ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Số tiền được điều chỉnh, bổ sung tăng 114.624.000 đồng.

* Không đồng ý với phương án đã được phê duyệt, phê duyệt bổ sung, vào các ngày 28/7/2016, 17/8/2016, 29/11/2016 bà Ngô Phương A khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên với lý do:

- Về loại đất: Nguồn gốc 100m² đất của bà Ngô Phương A do UBND xã X, huyện TT (nay là UBND phường X, quận TX) đồng ý giao cho bà Ngô Phương A sử dụng làm nhà ở theo Giấy phép sử dụng đất làm nhà ở số F30/UB/KD ngày 20/8/1992, được ban hành dựa trên căn cứ là Quyết định số 35 của UBND huyện TT. Diện tích đất này nằm trong tổng số 2.500m² đất đã nộp tiền đền bù hoa màu cho xã một lần. Bản án hình sự số 757 ngày 29/9/1995 của Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên: *“Thu hồi toàn bộ số đất tại khu vực Đầm Hồng, Đầm Sen và 2.500m² đất (danh nghĩa cấp cho E26 Phòng không) các bị cáo đã mua đi bán lại bất hợp pháp. Giao cho chính quyền địa phương quản lý và giải quyết theo thẩm quyền”*. Nhưng sau đó tại Quyết định giám đốc thẩm số 67/2014/HS-GĐT ngày 24/11/2014 của Tòa án nhân dân tối cao đã hủy Bản án sơ thẩm số 757 ngày 29/9/1995 nêu trên và đình chỉ vụ án hình sự về phần quyết định thu hồi đất.

Ngoài ra bà Ngô Phương A cho rằng đã nộp tiền sử dụng đất, việc sử dụng là ổn định, không có tranh chấp nên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Cụ thể, trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.

Từ việc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Ngô Phương A viện dẫn Điều 42 Luật Đất đai 2003 để yêu cầu UBND quận TX phải bồi thường về đất. Tại các Quyết định của UBND quận TX chỉ hỗ trợ theo giá đất ở là không đúng.

- Về vị trí đất: Bà Ngô Phương A cho rằng 100m² đất bị thu hồi phải ở vị trí 2 phố HVT vì theo hồ sơ giao đất của xã X lập ngày 10/7/1992 thì thửa đất của bà Ngô Phương A có mặt tiền tiếp giáp với đường đi chiều rộng 6m. Trong quá trình sử dụng đất, một số hộ dân lấn chiếm đường và đã bị phản ánh nhưng không được giải quyết kịp thời để các hộ này vẫn lấn chiếm. UBND quận TX căn cứ vào thực tế độ rộng mặt cắt của ngõ để xác định thửa đất ở vị trí 3 phố HVT để tính hỗ trợ là không đúng.

- Về giá đất: Bà Ngô Phương A cho rằng từ việc xác định không đúng loại đất, vị trí đất như nêu trên nên UBND quận TX áp giá hỗ trợ không đúng vì giá đất thực tế trên thị trường có biến động. Cần áp dụng quy định tại Điều 6 Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 và Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H thì trường hợp giá đất điều tra,

khảo sát có thay đổi so với giá đất quy định tại bảng giá đất do UBND thành phố H ban hành thì UBND quận TX có trách nhiệm đề xuất hệ số điều chỉnh giá đất, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xem xét, trình UBND thành phố H quyết định. Do đó UBND quận TX áp dụng giá đất 18.624.000 đồng/m² để tính hỗ trợ trong khi giá đất của các giao dịch trên thực tế khoảng 60.000.000 đồng/m² là không đúng.

* Đại diện theo ủy quyền của UBND quận TX trình bày quan điểm về yêu cầu của người khởi kiện:

Hồ sơ quản lý đất đai thể hiện 100m² đất do bà Ngô Phương A sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án cải tạo hồ K I là một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 7 (khu vực Đầm Sen, Đầm Hồng), đo vẽ năm 1990, diện tích 18.400m², được UBND xã X lập Sổ địa chính hoàn thành năm 1994 ghi nhận là đất Đầm và chủ sử dụng là UBND xã. Trong quá trình quản lý đất đai, một số cán bộ xã X đã vi phạm pháp luật và bị xử lý theo quy định của pháp luật, trong đó có việc giao cho bà Ngô Phương A diện tích 100m² đất làm nhà ở theo Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số F30/UB/KĐ ngày 20/8/1992. Tại Bản án hình sự số 757 ngày 29/9/1995 của Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên: *“Thu hồi toàn bộ số đất tại khu vực Đầm Hồng, Đầm Sen và 2.500m² đất (danh nghĩa cấp cho E26 Phòng không) các bị cáo đã mua đi bán lại bất hợp pháp. Giao cho chính quyền địa phương quản lý và giải quyết theo thẩm quyền”*.

Với nội dung xác nhận như đã nêu trên, UBND quận TX đã căn cứ khoản 2 Điều 18 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H: *“Đất do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01-7-2004 trở về sau hoặc sau khi đã có thông báo thu hồi đất quy định tại Điều 49 của bản quy định này thì người sử dụng đất do có hành vi lấn, chiếm hoặc được giao đất, thuê đất không đúng thẩm quyền không được bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi đất”*, từ đó ban hành Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 phê duyệt Phương án hỗ trợ bằng 0 đồng đối với bà Ngô Phương A.

Sau đó Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố H đã có Văn bản số 283/TTr-BCĐ ngày 15/4/2013 đề xuất của liên ngành, được UBND thành phố chấp nhận tại Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13/5/2013 như sau: *“Đối với những hộ gia đình được UBND xã bán, có giấy phép làm nhà ở năm 1992, hộ gia đình chưa làm nhà, nay được UBND phường xác nhận ổn định, không có tranh chấp. Đề nghị được hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp quy định tại Bảng giá đất hàng năm do UBND thành phố quy định và được hỗ trợ 30% giá đất ở đối với phần diện tích 100m². Phần diện tích trên 100m² (nếu có) hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp quy định tại Bảng giá đất hàng năm do UBND thành phố quy định”*. Trên cơ sở đó UBND quận TX đã ra Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 03/11/2014

phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án hỗ trợ khi thu hồi 100m² đất đối với bà Ngô Phương A.

Ngày 28/5/2015, UBND thành phố H có Văn bản số 3626/UBND về việc bổ sung chính sách hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án cải tạo hồ K I. Theo đó, đồng ý cho UBND quận TX phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và công trình kiến trúc trên đất theo Văn bản số 366/TTr-BCĐ ngày 22/5/2015 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố H. Chủ trương là “*Trường hợp hộ gia đình được UBND xã X cho phép sử dụng đất làm nhà ở hoặc biên bản xử lý đất hoặc biên bản bàn giao đất (nhượng bán) trái thẩm quyền năm 1992, các hộ đã nộp tiền để được sử dụng đất, số tiền này đã được nộp vào ngân sách xã, nay các hộ đang sử dụng đất thì được hỗ trợ không quá 100% theo giá đất ở được UBND thành phố phê duyệt cho Dự án và khấu trừ nghĩa vụ tài chính theo quy định*”. Trên cơ sở đó, UBND quận TX đã ra Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án hỗ trợ đối với bà Ngô Phương A.

Theo Biên bản ngày 17/9/2015 họp liên ngành về việc điều chỉnh vị trí đất và Văn bản số 642/UBND ngày 24/9/2015 của UBND phường X xác định vị trí 3 ngõ 93 đường HVT đối với thửa đất có chiều rộng ngõ nhỏ từ 2m đến dưới 3,5m. Từ đó UBND quận TX đã ban hành Quyết định số 4476/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung do thay đổi vị trí đất đối với bà Ngô Phương A.

Ngày 27/7/2015 và 05/10/2015 bà Ngô Phương A đã ký nhận tiền hỗ trợ.

Đại diện của UBND quận TX đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Phương A.

* UBND phường X trình bày nội dung thống nhất với quan điểm của UBND quận TX về xác định loại đất công (đất Đầm) do UBND phường quản lý; thống nhất về nguồn gốc cũng như hiện trạng sử dụng đất của bà Ngô Phương A tại thời điểm giải phóng mặt bằng và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 278/2019/HC-ST ngày 19/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 98 Luật Tổ chức HĐND-UBND; Điều 18, Điều 21, Điều 31; Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; khoản 6 Điều 22, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 30, Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Điều 30 đến Điều 34 và Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

I. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Phương A đề nghị hủy:

1. Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND quận TX phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ.

2. Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND quận TX phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Quyết định số 4476/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND quận TX điều chỉnh, bổ sung Phương án thay đổi vị trí đất.

II. Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Ngô Phương A. Trả lại bà Ngô Phương A 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 9914 ngày 16/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/11/2019, ông Ngô Việt Dũng, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Đơn đề ngày 28/12/2020, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, phiên tòa đã được triệu tập lần thứ 2, các đương sự được triệu tập có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp quy định Luật Tố tụng hành chính nên đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết đơn khởi kiện ngày 28/7/2016, 17/8/2016 và 29/11/2016 của người khởi kiện đối với các Quyết định hành chính và xem xét Quyết định hành chính có liên quan, là đúng quy định tại Điều 204 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Kháng cáo của người khởi kiện hợp lệ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 206, và khoản 2 Điều 209 Luật Tố tụng hành chính, được chấp nhận xem xét kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều vắng nhưng đã được triệu tập hợp lệ, hồ sơ vụ án đã có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện; nên đủ điều kiện xét xử phúc thẩm vắng mặt.

[2] Bản án sơ thẩm đã có đánh giá về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện theo đúng quy định.

[3] Xem xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] 100m² đất thu hồi của bà Ngô Phương A, có nguồn gốc thuộc 18.400m² loại đất đầm, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 7 đo vẽ năm 1990 UBND xã X đứng tên chủ sử dụng trong Sổ địa chính. Năm 1992, bà Ngô Phương A và một số hộ dân khác được UBND xã X, huyện TT (nay là UBND phường X, quận TX)

cho phép sử dụng đất (có thu tiền sử dụng đất) làm nhà ở tại tổ 9, ven Đầm (bà A được giao 100m² đất). Do việc ký bán đất như trên là trái thẩm quyền nên một số cán bộ xã X đã bị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử hình sự tại Bản án sơ thẩm số 757 ngày 28, 29/9/1995. Bản án có phần quyết định “*Thu hồi toàn bộ số đất tại khu vực Đầm Hồng, Đầm Sen và 2.500m² đất (danh nghĩa cấp cho E26 Phòng không) các bị cáo đã mua đi bán lại bất hợp pháp. Giao cho chính quyền địa phương quản lý và giải quyết theo thẩm quyền*”.

Năm 2006, UBND thành phố H đã có quy hoạch sử dụng đất và đã phê duyệt Dự án Đầu tư công trình thoát nước cải thiện môi trường giai đoạn II (2005-2010) tại khu vực này; đã tiến hành công tác đo đạc giải phóng mặt bằng, trong đó có diện tích đất của hộ bà A. Ngày 22/4/2009, UBND thành phố H đã có Quyết định số 1888/QĐ-UBND thu hồi 115.957m² đất tại khu vực phường K, X, giao cho BQL Dự án thoát nước Hà Nội để thực hiện dự án. Các bản tự kê khai để phục vụ công tác GPMB ngày 06/10/2012 của bà A (bút lục 120) thể hiện trên đất không có công trình xây dựng. Bà đã làm nhà cấp 4 nhưng căn nhà hiện không còn, gia đình đang bà cư trú tại địa chỉ hộ khẩu ở phố Q.

Ngày 24/11/2014, Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao đã có Quyết định giám đốc thẩm hủy phần Bản án số 757 và đình chỉ vụ án hình sự phần quyết định “*Thu hồi toàn bộ số đất tại khu vực Đầm Hồng, Đầm Sen và 2.500m² đất (danh nghĩa cấp cho E26 Phòng không) các bị cáo đã mua đi bán lại bất hợp pháp. Giao cho chính quyền địa phương quản lý và giải quyết theo thẩm quyền*”.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quyết định giám đốc thẩm số 67/2014/HS-GĐT ngày 24/11/2014 của Tòa án nhân dân tối cao tuy hủy nội dung thu hồi đất của Bản án hình sự sơ thẩm số 757, nhưng với lý do không thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 23, 24 và 28 Luật Đất đai 1993. Tòa án đã xét xử hình sự xác định việc bán đất là trái pháp luật, nên việc sử dụng đất của các hộ dân xuất phát từ hành vi phạm tội của các bị cáo là một số cán bộ UBND xã và đã quyết định tịch thu đất giao UBND xử lý theo thẩm quyền. Như vậy bà A sử dụng không có căn cứ pháp luật. Quyết định giám đốc thẩm tuy hủy bỏ nội dung thu hồi đất, cũng không làm xác lập hay khôi phục trở lại quyền sử dụng đất hợp pháp đối với bà Ngô Phương A. Việc sử dụng đất cũng không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và triển khai thực hiện đến nay. UBND quận TX áp dụng quy định tại Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 cũng như Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ không bồi thường về đất là đúng nên không có căn cứ để áp dụng Điều 42 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 11 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 như người khởi kiện yêu cầu (để được bồi thường về đất). Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện là đúng.

[3.2] Người khởi kiện cho rằng 100m² đất ở vị trí 2 phố HVT, nhưng UBND xác định vị trí 3 là không đúng. Lý do: Hồ sơ giao đất ngày 10/7/1992 do UBND

xã X lập, thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường đi chiều rộng 6m và thực tế đường phía trước diện tích đất này rộng hơn 6m, nhưng trong quá trình sử dụng có một số hộ dân lấn chiếm đường mà không được chính quyền giải quyết. Cho đến nay, các hộ lấn chiếm đường đi chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất lấn chiếm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quá trình giải quyết khiếu nại, UBND phường X có văn bản điều chỉnh xác định vị trí đất bồi thường của bà Ngô Phương A vị trí 3 phố K sang vị trí 3 phố HVT và UBND quận TX đã bổ sung thêm tiền hỗ trợ tại Quyết định số 4476/QĐ-UBND ngày 29/9/2015.

Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Quy hoạch, UBND phường X cũng đã có các biên bản họp về khoảng cách tại vị trí đất của bà Ngô Phương A đến phố K và phố HVT. Theo kiểm tra xác suất 03 lần để xác định mặt cắt nhỏ nhất của ngõ 93 HVT cho thấy đều mặt cắt ngang nhỏ hơn 3,5m tại các điểm gần số nhà 56 và gần số nhà 52. Tòa án nhân dân thành phố H cũng thụ lý nhiều vụ án tương tự và đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định từ vị trí đất ngõ 93/108 có khoảng cách dài hơn so với ngõ 93 và có vị trí mặt cắt ngang nhỏ hơn 3,5m. Bản đồ năm 1994 thể hiện ngõ 93/108 lúc này chưa hình thành, là ngõ cụt không đi ra phố HVT; sau đó mới hình thành ngõ 93/108 ra phố HVT.

UBND phường X đã điều chỉnh vị trí đất của bà Ngô Phương A sang vị trí 3 phố HVT thay cho vị trí 3 phố K là phù hợp. UBND quận TX áp dụng khoản 2 Điều 2 Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND thành phố H để xác định đất thu hồi của bà Ngô Phương A ở vị trí 3 ngõ 93 phố HVT là có căn cứ.

[4] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai và nguồn gốc quá trình sử dụng đất, diễn biến quá trình xử lý sai phạm, UBND thành phố H đã có các văn bản hướng dẫn, giải quyết khó khăn khi thực hiện Dự án cải tạo hồ là văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13/5/2013, 6735/UBND-TNMT ngày 08/9/2014, số 9671/UBND-TNMT ngày 09/12/2014, số 3626/UBND ngày 28/5/2015. Căn cứ các văn bản trên và Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND thành phố H quy định bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019, UBND quận TX ban hành Quyết định số 2836 và số 4501 xác định giá đất ở nhân với hệ số 1,6 bằng 18.624.000 đồng/m² nhưng phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính; tổng số tiền hỗ trợ cho bà A là 1.862.400.000 đồng, là phù hợp quy định của pháp luật và thực tế sử dụng đất tại thời điểm phê duyệt, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Phương A.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[5] Bà Ngô Phương A thuộc đối tượng được miễn án phí và đã có đơn đề nghị nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 278/2019/HC-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Bà Ngô Phương A được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/12/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục Thi hành án DS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương